

**Đơn Xin Tiền Gia Cư Thay Thế cho Người Trú Ngụ là Gia Chủ 180 Ngày (49 CFR 24.401)
Claim for Replacement Housing Payment for 180-Day Homeowner Occupant**

**Bộ Phát Triển Gia Cư và Đô Thị Hoa Kỳ (HUD)
U.S. Department of Housing and Urban Development**

Văn Phòng Hoạch Định và Phát Triển Cộng Đồng
Office of Community Planning and Development

Số phê chuẩn theo OMB: 2506-0016
OMB Approval No. 2506-0016

(ngày hết hạn: 07/31/2008)
(exp. 07/31/2008)

Chỉ Dành Cho Cơ Quan ~ For Agency Use Only

Tên Cơ Quan ~ Name of Agency	Tên hoặc Số Dự Án ~ Project Name or Number	Số Hồ Sơ ~ Case Number
------------------------------	--	------------------------

Hướng dẫn. Biểu mẫu này dành cho các gia đình và cá nhân nào muốn xin tiền trả cho gia cư thay thế theo Đạo Luật Thống Nhất về Các Chính Sách Trợ Giúp Chuyển Chỗ và Tậu Mua Bất Động Sản năm 1970 (URA) đối với những người trú ngụ là gia chủ 180 ngày muốn mua căn nhà thay thế. Gia chủ-người trú ngụ nào muốn thuê mượn thay vì mua cũng phải dùng mẫu HUD-40058. Cơ Quan sẽ giúp quý vị điền vào mẫu này. HUD cũng cung cấp thông tin về những quy định này cùng với nhiều tài liệu chỉ dẫn khác tại mạng lưới của mình là: www.hud.gov/relocation. Nếu toàn bộ số tiền ghi trong đơn xin không được phê duyệt thì Cơ Quan sẽ trao văn bản trình bày lý do cho quý vị hiểu. Nếu quý vị không hài lòng với quyết định của Cơ Quan thì có thể khiếu nại quyết định đó. Cơ Quan sẽ trình bày cách khiếu nại.

Instructions. This form is for the use of families and individuals applying for a replacement housing payment under the Uniform Relocation Assistance and Real Property Acquisition Policies Act of 1970 (URA) for a 180-day homeowner occupant who elects to buy a replacement home. A homeowner-occupant who decides to rent rather than buy should also use form HUD-40058. The Agency will help you complete this form. HUD also provides information on these requirements and other guidance materials on its website at: www.hud.gov/relocation. If the full amount of your claim is not approved, the Agency will provide you with a written explanation of the reason. If you are not satisfied with the Agency's determination, you may appeal that determination. The Agency will explain how to make an appeal.

Gia chủ-người trú ngụ phải đệ nộp mọi đơn xin tiền trong vòng 18 tháng sau thời điểm trễ nhất của: a) ngày dời chỗ, hoặc b) ngày thực hiện chi trả cuối để tậu mua bất động sản. Người trú ngụ là gia chủ 180 ngày bị dời chỗ phải mua và trú ngụ tại một chỗ ở thay thế có đủ mức tương tất, an toàn và hợp vệ sinh trong vòng 1 năm sau thời điểm trễ hơn của: a) ngày thực hiện chi trả cuối cho chỗ ở bị dời chỗ (nếu là bồi thường thì dùng ngày giao nộp đến bồi xác đáng lên tòa án), hoặc b) ngày cơ quan trao chỗ ở thay thế tương đương (xem 24.204).

All claims for payment by a homeowner-occupant must be filed within 18 months after the latest of: a) the date of displacement or b) the date of final payment for the acquisition of the real property. Displaced 180-day homeowner occupants must purchase and occupy a decent, safe and sanitary replacement dwelling within 1 year after the later of: a) the date of final payment for the displaced dwelling (for condemnation, use the date just compensation deposited in court) or b) the date a comparable replacement dwelling is made available by the agency (see 24.204).

1a. Họ Tên Quý Vị (Quý Vị nghĩa là (Những) Người Đệ Đơn) và Địa Chỉ Thư Tin Hiện Tại Your Name(s) (You are the Claimant(s)) and Present Mailing Address	1b. (Các) Số Điện Thoại Telephone Number(s)
--	--

2. Có phải mọi người trong gia hộ đều đã dọn tới một chỗ ở chung? Có ~ Yes Không ~ No (Nếu là "Không" thì liệt kê họ tên của mọi người và địa chỉ họ đã dọn đến)
Have all members of the household moved to the same dwelling? (If "No", list the names of all members and the addresses to which they moved)

Chỗ Ở ~ Dwelling	Địa Chỉ ~ Address	Quý Vị Thuê/Mua Đơn Vị Nhà Ở Đây Vào Lúc Nào? When Did You Rent/Buy This Unit?	Quý Vị Dọn Tới Đơn Vị Nhà Ở Đây Vào Lúc Nào? When Did You Move To This Unit?	Quý Vị Dọn Đơn Vị Nhà Ở Đây Vào Lúc Nào? When Did You Move Out of This Unit?
3. Đơn Vị Nhà Ở Mà Quý Vị Dọn Khỏi Unit That You Moved From				
4. Đơn Vị Nhà Ở Mà Quý Vị Dọn Đến Unit That You Moved To				

5. **Xác Nhận Cư Trú Hợp Pháp tại Hoa Kỳ (Nên đọc phần hướng dẫn dưới đây trước khi điền đầy đủ vào đoạn này.)
Certification of Legal Residency in the United States (Please read instructions below before completing this section.)**

Hướng dẫn: Muốn hội đủ tiêu chuẩn sử dụng dịch vụ tư vấn chuyển chỗ hoặc lãnh tiền dời chỗ theo Đạo Luật Thống Nhất về Các Chính Sách Trợ Giúp Chuyển Chỗ và Tậu Mua Bất Động Sản, "người bị dời chỗ" phải là công dân hay kiều dân Hoa Kỳ, hoặc ngoại kiều cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ. **Phải điền đầy đủ vào phần xác nhận dưới đây thì mới được hưởng quyền lợi chuyển chỗ.** (Xác nhận này không có bất cứ ảnh hưởng nào đối với luật lệ hiện dụng của tiểu bang về quyền lợi chuyển chỗ.) **Chữ ký của quý vị trên mẫu đơn này chính là lời xác nhận.** Xem 49 CFR 24.208(g) & (h) để biết các trường hợp ngoại lệ cho hoàn cảnh khó khăn.

Instructions: To qualify for relocation advisory services or relocation payments authorized by the Uniform Relocation Assistance and Real Property Acquisition Policies Act, a "displaced person" must be a United States citizen or national, or an alien lawfully present in the United States. **The certification below must be completed in order to receive any relocation benefits.** (This certification may not have any standing with regard to applicable State laws providing relocation benefits.) **Your signature on this claim form constitutes certification.** See 49 CFR 24.208(g) & (h) for hardship exceptions.

Chỉ ghi vào hạng mục nào (cá nhân hoặc gia đình) thích hợp với tình trạng trú ngụ của quý vị. Nên ghi chính xác số người vào mục (2).
Please address only the category (Individual or family) that describes your occupancy status. For item (2), please fill in the correct number of persons.

GIA HỘ CƯ TRÚ

(1) Cá nhân. Tôi xác nhận mình là: (đánh dấu một mục) ____ công dân hay kiều dân Hoa Kỳ ____ ngoại kiều cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ	(2) Gia đình ~ Family Tôi xác nhận gia hộ của mình có ____ người, trong đó ____ là công dân hoặc kiều dân Hoa Kỳ, và ____ là ngoại kiều cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ. I certify that there are ____ persons in my household and that ____ are citizens or nationals of the United States and ____ are aliens lawfully present in the United States.
---	---

RESIDENTIAL HOUSEHOLDS

Individual.
I certify that I am: (check one)
____ a citizen or national of the United States
____ an alien lawfully present in the United States

6. Tính Toán Tiền Trả cho Gia Cư Thay Thế (Gia chủ-người trú ngụ nào muốn thuê mượn thì chỉ phải điền đầy đủ vào các mục 1, 3, 4 & 5) Computation of Replacement Housing Payment (A homeowner-occupant who elects to rent should complete only items 1, 3, 4 & 5)	Người Đề Đơn Cần Điền Vào To Be Completed By Claimant	Chỉ Dành Cho Cơ Quan For Agency Use Only
(1) Giá Mua Chỗ Ở Thay Thế Tương Đương (Cơ Quan phải cho biết) <i>Purchase Price of Comparable Replacement Dwelling (To be provided by the Agency)</i>		
(2) Giá Mua Chỗ Ở Quý Vị Dọn Tới (Không áp dụng cho chủ sở hữu-người trú ngụ nào muốn thuê mượn) <i>Purchase Price of the Dwelling You Moved To (Not applicable for owner-occupant who elects to rent)</i>		
(3) Giá trị nhỏ hơn từ dòng 6(1) hoặc 6(2) <i>Lesser of line 6(1) or 6(2)</i>		
(4) Giá do Cơ Quan Trả cho Chỗ Ở Quý Vị Đã Dọn Đi <i>Price Paid by Agency for Dwelling That You Moved From</i>		
(5) Chênh Lệch Giá (Trừ dòng 6(4) ra khỏi dòng 6(3). Nếu số tiền ở dòng 6(4) vượt quá số tiền ở dòng 6(3) thì ghi 0. Đây là số tiền tối đa cho người trú ngụ là gia chủ nào muốn thuê mượn. <i>Price Differential Amount (Subtract line 6(4) from line 6(3). If amount on line 6(4) exceeds amount on line 6(3), enter 0. This is the maximum amount for a homeowner occupant who elects to rent.</i>		
(6) Phí Tồn Bất Ngờ (Từ dòng 7(10)) <i>Incidental Expenses (From line 7(10))</i>		
(7) Khoản Trả Bớt Tiền Vay Mua Nhà và Chi Phí Trang Trả Nợ Khác (Do Cơ Quan xác định. Xem hướng dẫn tại Mục 8) <i>Mortgage Buydown Payment and Other Debt Service Costs (To be determined by Agency. See instructions in Item 8)</i>		
(8) Tổng Số Tiền Xin cho Gia Cư Thay Thế (Cộng các dòng 6(5), 6(6), và 6(7)) <i>Total Amount of Replacement Housing Payment Claim (Add lines 6(5), 6(6), and 6(7))</i>		
(9) Số Tiền Từng Được Cấp, nếu có <i>Amount Previously Received, if any</i>		
(10) Số Tiền Muốn Xin (Trừ dòng 6(9) ra khỏi dòng 6(8)) <i>Amount Requested (Subtract line 6(9) from line 6(8))</i>		

7. Phí Tồn Bất Ngờ liên quan tới Vấn Đề Mua Chỗ Ở Thay Thế (24.401 (e))
Incidental Expenses in Connection With Purchase of Replacement Dwelling (24.401 (e))

Hướng dẫn: Ghi những phí tổn bất ngờ khi quý vị mua nhà mới. Đừng gộp phần chi phí trả trước, chẳng hạn như thuế địa ốc. Hãy đính kèm bản sao tường trình kết sổ và các biên lai khác. * Không được vượt quá chi phí cho chỗ ở thay thế tương đương.
Instructions: Enter expenses incidental to the purchase of your new home. Do not include prepaid costs such as real estate taxes. Attach a copy of the closing statement and other receipts. * Not to exceed the costs for a comparable replacement dwelling.

	(a) Người Đề Đơn Claimant	(b) Chỉ Dành Cho Cơ Quan For Agency Use Only
(1) Chi phí pháp lý, kết sổ và phí tổn liên quan, kể cả lục tìm bằng khoán, soạn thảo văn kiện sang tên, lệ phí công chứng, chuẩn bị khảo sát và vẽ bản đồ, và lệ phí lưu hồ sơ <i>Legal, closing and related costs, including title search, preparing conveyance instruments, notary fees, preparing surveys and plats, and recording fees</i>	\$	\$
(2) Lệ phí Nộp Đơn và Định Giá từ Nơi Cho Vay, FHA hoặc VA Lender, FHA or VA Application and Appraisal Fees	\$	\$
(3) Lệ Phí Lập Hồ Sơ Vay Tiền hoặc Lệ Phí Nhận Nợ Thay (Không là tiền lãi trả trước). ~ Loan Origination or Assumption Fees (Not Prepaid Interest).	\$	\$
(4) Đo Kiểm Nhà Ở Chuyên Nghiệp, Giấy Chứng Nhận Kết Cấu Vững Chãi, và Kiểm Tra Mối Mọt <i>Professional Home Inspection, Certification of Structural Soundness, and Termite Inspection</i>	\$	\$
(5) Bản Khai Báo Tín Dụng ~ Credit Report	\$	\$
(6) Bằng chứng chủ quyền của người sở hữu và chủ nợ vay mua nhà, thí dụ như bảo hiểm bằng khoán * <i>Owner's and mortgagee's evidence of title, e.g. title insurance *</i>	\$	\$
(7) Thủ lao cho Người Thụ Thắc Pháp Định <i>Escrow Agent's Fee</i>	\$	\$
(8) Con Dấu của Sở Thuế Vụ Tiểu Bang hoặc Niêm Dấu Tài Liệu, Thuế Mua Bán hay Chuyển Nhượng * <i>State Revenue or Documentary Stamps, Sales or Transfer Taxes *</i>	\$	\$
(9) Chi Phí Khác (ghi rõ) ~ Other Costs (specify)	\$	\$
(10) Tổng Phí Tồn Bất Ngờ (Cộng các dòng 7(1) tới hết 7(9)). Ghi số tiền này vào dòng 6(6). <i>Total Incidental Expenses (Add lines 7(1) through 7(9). Enter this amount on line 6(6)).</i>	\$	\$

Các bản cũ đều đã lỗi thời
 Previous editions are obsolete

Trang 2 trên 4
 Page 2 of 4

Mẫu HUD-40057 (02/2005)
 form HUD-40057 (07/2005) – Vietnamese

Tài liệu này là bản dịch từ tài liệu pháp lý do HUD cung cấp. HUD cung cấp bản dịch này cho quý vị để tiện giúp quý vị thông hiểu về quyền hạn và trách nhiệm của mình. Bản tiếng Mỹ của tài liệu này sẽ là bản chính thức, hợp lệ, và là bản dùng để điều hành. Bản dịch này không là tài liệu chính thức.
 This document is a translation of a HUD-issued legal document. HUD provides this translation to you merely as a convenience to assist in your understanding of your rights and obligations. The English language version of this document is the official, legal, and controlling document. This translated document is not an official document.

8. Khoản Trả Bớt Tiền Vay Mua Nhà và Chi Phí Trang Trả Nợ Khác (24.401(d))

Mortgage Buydown Payment and Other Debt Service Costs (24.401(d))

Hướng dẫn: Quý vị được đền bù những chi phí phụ trội mình phải lo liệu để mua chỗ ở thay thế. Khoản "trả bớt" trang trả các chi phí xuất hiện khi lãi suất quý vị phải trả cho món tiền vay mua nhà mới lại cao hơn lãi suất theo nợ vay cũ. Khoản trả bớt tối đa quý vị có thể hội đủ tiêu chuẩn hưởng là số tiền cần để hạ giảm phần nợ vay mua nhà mới thành món tiền có thể được trừ dần chung với các đợt trả tiền vốn và tiền lời định kỳ y như với nợ vay mua nhà cũ. (Cơ Quan phải ước lượng rồi báo cho quý vị biết khoản trả bớt tối đa cùng với lãi suất, kỳ hạn và số tiền được tính toán. Quý vị cần phải mượn số tiền đó suốt kỳ hạn đã định thì mới hội đủ tiêu chuẩn được giúp trả nợ.) Nếu quý vị có ít nhất hai món nợ vay mua nhà cũ hoặc nhà mới thì điền riêng Mục 8(13) cho mỗi lần tính toán và gộp chung tổng số tiền của mọi tính toán như thế vào dòng 6(7). Lưu ý: Nợ vay mua nhà cũ đã có hiệu lực dưới 180 ngày trước khi Cơ Quan bắt đầu công bố văn bản đền bù xác đáng cho tài sản sẽ không được dùng làm căn bản chi trả. Đồng thời, nếu phần kết hợp tiền lời và điểm cho tiền vay mua nhà mới lại vượt quá điểm và lãi suất cố định phổ biến hiện tại cho tiền vay mua nhà thông thường, và không có lý lẽ biện minh cho phần suất vượt mức, thì phải sử dụng điểm và lãi suất cố định phổ biến hiện tại khi tính toán.

Instructions: You are entitled to compensation to cover the additional costs you must pay to finance the purchase of a replacement dwelling. The "buydown" payment covers those costs that result because the interest rate you must pay for a new mortgage is higher than the interest rate on your old mortgage. The maximum buydown payment for which you can qualify is the amount needed to reduce your new mortgage balance to the amount which can be amortized with the same periodic payments for principal and interest as those for your old mortgage. (The Agency is required to advise you of its estimate of the maximum buydown payment and the interest rate, term and amount on which it was computed. You will need to borrow that amount over that term to qualify for the full payment.) If you have more than one mortgage on either your old or new home, complete a separate Item 8(13) for each computation and include the total amount of all such computations on line 6(7). Note: A mortgage on your old home that was in effect for less than 180 days before the Agency's initial written offer of just compensation for the property cannot be used as a basis for payment. Also, if the combination of interest and points for the new mortgage exceeds the current prevailing fixed interest rate and points for conventional mortgages and there is no justification for the excessive rate, then the current prevailing fixed interest rate and points shall be used in the computations.

Phần A - Thông Tin từ Văn Tự Vay Nợ Mua Nhà Part A - Information from Mortgage Documents	(a) Nợ Vay Mua Nhà Cũ Old Mortgage	(b) Nợ Vay Mua Nhà Mới New Mortgage	(c) Giá Trị Nhỏ Hơn từ Cột (a) hoặc (b) Lesser of Column (a) or (b)
(1) Phần tiền vốn chưa trả <i>Outstanding principal balance</i>	\$	\$	
(2) Lãi suất hàng năm trên nợ vay mua nhà <i>Annual interest rate of mortgage</i>	%	%	
(3) Số đợt chi trả hàng tháng còn lại đối với tiền vay mua nhà <i>Number of monthly payments remaining on mortgage</i>	Tháng <i>Months</i>	Tháng <i>Months</i>	
Phần B - Tính Toán Tiền Trả (Dùng bảng trừ dần tiền vay mua nhà với 6 chữ số thập phân.) Part B - Computation of Payment (Use mortgage amortization table with 6 decimal places.)			
(4) Chi trả hàng tháng cần có để trừ dần khoản vay \$1,000 trong _____ tháng (8(3)(c)) với lãi suất hàng năm _____ % (8(2)(b)) <i>Monthly payment required to amortize a loan of \$1,000 in _____ months (8(3)(c)) at an annual interest rate of _____ % (8(2)(b))</i>			\$
(5) Chi trả hàng tháng cần có để trừ dần khoản vay \$1,000 trong _____ tháng (8(3)(c)) với lãi suất hàng năm _____ % (8(2)(a)) <i>Monthly payment required to amortize a loan of \$1,000 in _____ months (8(3)(c)) at an annual interest rate of _____ % (8(2)(a))</i>			\$
(6) Trừ dòng 8(5) ra khỏi dòng 8(4) <i>Subtract line 8(5) from line 8(4)</i>			\$
(7) Chia dòng 8(6) cho dòng 8(4) (tính tới 6 chữ số thập phân) <i>Divide line 8(6) by line 8(4) (carry to 6 decimal places)</i>			\$
(8) Ghi phần nợ vay mua nhà cũ (số tiền ở dòng 8(1)(a)) <i>Enter old mortgage balance (amount on line 8(1)(a))</i>			\$
(9) Nhân dòng 8(7) với dòng 8(8) <i>Multiply line 8(7) by line 8(8)</i>			\$
(10) Khoản vay mới cần có (trừ 8(9) ra khỏi 8(8)) Lưu ý: Nếu 8(10) nhỏ hơn 8(1)(b) thì ghi số tiền từ dòng 8(9) vào dòng 8(13) và bỏ qua các dòng 8(11) và 8(12) Note: If 8(10) is less than 8(1)(b), enter amount from line 8(9) onto line 8(13) and skip lines 8(11) and 8(12)			\$
(11) Chia 8(1)(b) cho 8(10) (tính tới 6 chữ số thập phân) <i>Divide 8(1)(b) by 8(10) (carry to 6 decimal places)</i>			\$
(12) Nhân dòng 8(11) với dòng 8(9) <i>Multiply line 8(11) by line 8(9)</i>			\$
(13) Ghi số tiền thích hợp từ 8(9) hoặc 8(12) (Đây là khoản trả bớt nợ vay mua nhà) <i>Enter amount from 8(9) or 8(12), as appropriate (This is the mortgage buydown payment)</i>			\$
(14) Các chi phí trang trả nợ khác (Mức đền bồi lệ phí lập hồ sơ vay tiền và điểm của người mua được dựa vào khoản vay mới cần dùng (8(10)), hoặc dựa vào phần nợ vay mới trên thực tế (8(1)(b)), tùy theo giá trị nào thấp hơn. Không bao gồm điểm của người bán hay bất cứ chi phí nào được ghi vào 7(12) dưới dạng phí tổn bất ngờ.) <i>Other debt service costs (Reimbursement of purchaser's points and loan origination fees is based on the new loan needed (8(10)), or the actual new loan balance (8(1)(b)), whichever is less. Do not include seller's points or any cost included as an incidental expense in 7(12).)</i>			\$
(15) Cộng các dòng 8(13) và 8(14). Ghi số tiền này vào 6(7). <i>Add lines 8(13) and 8(14). Enter this amount on 6(7).</i>			\$

9. **Xác Nhận của (Những) Người Đệ Đơn:** Tôi xác nhận thông tin trên mẫu đơn này - cùng với tài liệu dẫn chứng - là chân thật và đầy đủ, và tôi chưa được bất cứ nơi nào khác trang trải những phí tổn này.
Certification By Claimant(s): I certify that the information on this claim form and supporting documentation is true and complete and that I have not been paid for these expenses by any other source.

Chữ ký của (những) Người Đệ Đơn & Ngày
 Signature(s) of Claimant(s) & Date

X

Cảnh cáo: HUD sẽ truy tố những đơn xin và lời khai giả dối. Bản án để ra có thể là trừng phạt hình sự và/hoặc dân sự. (18 U.S.C. 1001, 1010, 1012; 31 U.S.C. 3729, 3802)

Warning: HUD will prosecute false claims and statements. Conviction may result in criminal and/or civil penalties. (18 U.S.C. 1001, 1010, 1012; 31 U.S.C. 3729, 3802)

Phần Do Cơ Quan Điền Vào ~ To Be Completed by the Agency

10. Ngày bắt đầu hội đủ tiêu chuẩn (mm/dd/yyyy) được trợ giúp chuyển chỗ Effective date (mm/dd/yyyy) of eligibility for relocation assistance		11. Ngày giới thiệu đến Chỗ Ở Thay Thế Tương Đương (mm/dd/yyyy) Date of Referral to Comparable Replacement Dwelling (mm/dd/yyyy)		12. Ngày (mm/dd/yyyy) kiểm tra chỗ ở thay thế và xét thấy vẫn tương tất, an toàn và hợp vệ sinh Date (mm/dd/yyyy) replacement dwelling inspected and found decent, safe and sanitary	
Cách Trang Trãi Payment Action	Số Tiền Trang Trãi Amount of Payment	Chữ Ký Signature		Họ Tên (viết chữ in hay đánh máy) Name (Type or Print)	Ngày (mm/dd/yyyy) Date (mm/dd/yyyy)
14. Khuyến cáo Recommended	\$				
15. Đã phê duyệt Approved	\$				

Ghi Chú ~ Remarks

Trọng trách trình báo công khai theo tiến trình thu thập thông tin này là 1.0 tiếng đồng hồ cho mỗi câu trả lời (ước lượng trung bình). Trong đó bao gồm thời giờ dùng để thu gom, xem lại và báo cáo dữ liệu. Thông tin được thu thập theo thẩm quyền của Đạo Luật Thống Nhất về Các Chánh Sách Trợ Giúp Chuyển Chỗ và Tậu Mua Bất Động Sản năm 1970, đúng với quy định trong 49 CFR Phần 24, và sẽ dùng để xem quý vị có hội đủ tiêu chuẩn lãnh tiền trợ giúp thuê mượn hoặc mua nhà mới hay không, và nếu có thì là bao nhiêu. Cần phải hồi đáp yêu cầu cho biết thông tin này thì mới được lãnh phần trợ cấp liên quan. Cơ Quan không cần gom lấy thông tin như thế, và quý vị cũng không nhất thiết phải điền đầy đủ vào mẫu này, trừ khi trên đó ghi rõ số kiểm soát hợp lệ theo OMB.

Public reporting burden for this collection of information is estimated to average 1.0 hour per response. This includes the time for collecting, reviewing, and reporting the data. The information is being collected under the authority of the Uniform Relocation Assistance and Real Property Acquisition Policies Act of 1970, and implementing regulations at 49 CFR Part 24 and will be used for determining whether you are eligible to receive a payment to help you rent or buy a new home and the amount of any payment. Response to this request for information is required in order to receive the benefits to be derived. This agency may not collect this information, and you are not required to complete this form unless it displays a currently valid OMB control number.

Thông Báo theo Đạo Luật Quyền Riêng Tư: Cần có thông tin này để xem quý vị có hội đủ tiêu chuẩn lãnh tiền trợ giúp thuê mượn hoặc mua nhà mới hay không. Theo luật pháp, quý vị không bị bắt buộc phải cung cấp thông tin, nhưng nếu từ chối cho biết thì quý vị sẽ không được nhận món tiền này, hoặc có thể sẽ mất nhiều thì giờ hơn mới được lãnh. Thông tin này được thu thập theo thẩm quyền của Đạo Luật Thống Nhất về Các Chánh Sách Trợ Giúp Chuyển Chỗ và Tậu Mua Bất Động Sản năm 1970 (URA), đúng với quy định trong 49 CFR Phần 24. Có thể sẽ trao thông tin cho cơ quan liên bang để duyệt xét.

Privacy Act Notice: This information is needed to determine whether you are eligible to receive a payment to help you rent or buy a new home. You are not required by law to furnish this information, but if you do not provide it, you may not receive this payment or it may take longer to pay you. This information is being collected under the authority of the Uniform Relocation Assistance and Real Property Acquisition Policies Act of 1970 (URA), and implementing regulations at 49 CFR Part 24. The information may be made available to a Federal agency for review.